TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 06-8-2019
V/v:" tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Văn Bé Tư** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc: tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số: 41/2019/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2019/QĐ-PT, ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tr. Ph. H**, sinh năm 1988, có mặt.
Địa chỉ: Ấp N, xã Tr. H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
2. Bị đơn: Anh **Đ. Th. Tr**, sinh năm 1981, có mặt.
Địa chỉ: Ấp M, xã Tr. H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Đ. Th. Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị chị **Tr. Ph. H** *trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị H và anh Đ. Th. Tr đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 16/4/2010. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị sống chung với cha mẹ chồng tại ấp Mướp Sát, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long khoảng 10 năm thì vợ chồng ra riêng sống vào tháng 10/2017. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2018 phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do tính anh Tr cọc cằn, gia trưởng, anh Tr có đánh chị H khoảng 03 – 04 lần, anh Tr không quan tâm chăm sóc chị H, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 8/2018 cho đến nay.

Nay chị H thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên chị H yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Đ. Th. Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung tên:

1. Đ. Th. H. Tr, sinh ngày 14/12/2008.

2. Đ. Th. Ng. Tr, sinh ngày 23/5/2012.

3. Đ. Ph. Tr, sinh ngày 29/6/2015

Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ. Th. H. Tr, Đ. Th. Ng. Tr và Đ. Ph. Tr. Chị H yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi các con là 700.000 đồng/cháu/tháng, đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đ. Th. Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, tự tìm hiểu anh và chị H đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm ngày 16/4/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột đến năm 2017 thì vợ chồng ra sống riêng. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2018 đến nay.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

- Về con chung: Thống nhất với chị H. Anh chị có 03 con chung là:

1. Đ. Th. H. Tr, sinh ngày 14/12/2008.

2. Đ. Th. Ng. Tr, sinh ngày 23/5/2012.

3. Đ. Ph. Tr, sinh ngày 29/6/2015

Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ. Th. Ng. Tr và Đ. Ph. Tr, anh Tr không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao cháu Đ. Th. H. Tr cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr không đồng ý cấp dưỡng cháu Đ. Th. H. Tr.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số: 41/2019/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Tuyên xử:

Căn cứ vào 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tỏa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr. Ph. H.

1. Về con chung: Giao cháu Đ. Th. H. Tr, sinh ngày 14/12/2008, Đ.Th. Ng. Tr, sinh ngày 23/5/2012, Đ. Ph. Tr., sinh ngày 29/6/2015 chị Tr. Ph. H trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

Anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Th. H. Tr mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu H. Tr đủ 18 tuổi.

Anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Th. Ng. Tr mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Ng. Trđủ 18 tuổi.

Anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Ph. Tr mỗi tháng 700.000 đồng đến khi cháu Ph. Tr.đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ại được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

2. Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chị Tr. Ph. H và anh Đ Th. Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2019 bị đơn anh Đ. Th. Tr kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc thẩm bác yêu cầu của chị Tr. Ph. H yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung và yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung là Đ. Th. Ng. Tr, sinh ngày 23/5/2012 và Đ. Ph. Tr, sinh ngày 29/6/2015 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý giao cháu Đ. Th. H. Tr, sinh ngày 14/12/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Đ. Th. Tr trình bày: yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm và giao cháu Đ. Th. Ng. Tr và Đ. Ph. Tr cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Nguyên đơn chị Tr. Ph. H trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Tr, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

- Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nêu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đ. Th. Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đ. Th. Tr kháng cáo trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đ. Th. Tr về việc yêu cầu Tòa án cáp phúc thẩm giao 02 con chung là Đ. Th. Ng. Tr, sinh ngày 23/5/2012 và Đ. Ph. Tr, sinh ngày 29/6/2015 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đ. Th. Tr Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo ý kiến của cháu Đ. Th. Ng. Tr đã trình bày là muốn được sống với mẹ, đây là mong muốn của cháu Ng. Tr. Từ khi cháu Ng. Tr sống với chị Hvẫn lo được cuộc sống tốt, cháu cảm thấy vui vẻ cho thấy là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng. Tr. Còn đối với cháu Ph. Tr thì còn quá nhỏ nên cần có mẹ để chăm sóc tốt hơn, chu đáo hơn. Và hơn hết để ổn định cuộc sống cho các cháu, để 03 chị em được ở gần nhau, gắn bó với nhau nên giao 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đ. Th. Tr. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn anh Đ. Th. Tr phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đ. Th. Tr. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 41/2019/HNGĐ-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Căn cứ vào 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tỏa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr. Ph. H. Xử cho chị Tr. Ph. H ly hôn với anh Đ.Th.Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Đ. Th. H.Tr, sinh ngày 14/12/2008, Đ. Th. Ng. Tr., sinh ngày 23/5/2012, Đ. Ph. Tr, sinh ngày 29/6/2015 chị Tr. Ph.H trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

Anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Th. H. Tr mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu H.Tr đủ 18 tuổi.

Anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Th. Ng. Tr mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Ng.Tr đủ 18 tuổi.

Anh Đ. Th. Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Ph. Tr mỗi tháng 700.000 đồng đến khi cháu Ph.Tr đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ại được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chị Tr. Ph. H và anh Đ. Th. Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí phúc thẩm: Buộc anh Đ. Th. Tr nộp 300.000 đồng được khấu trừ theo biên lai thu số 0009894 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01;*
- *VKSNDTVL: 02;*
- *TNV: 01;*
- *TAND h Vũng Liêm: 01;*
- *CC THADS h.Vũng Liêm: 01;*
- *Các Đ/s: 4 ;*
- *Lưu: 04.*

Vương Minh Tâm